

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 613/2022/HC-PT
Ngày: 26-9-2022
V/v khiếu kiện hành vi hành
chính và yêu cầu bồi thường
thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan.
Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Quang Phúc
2. Ông Đào Hồng Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc: “Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2249/2022/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4739/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12339/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960.
Thường trú: 98/9 đường A, khu phố B, phường C, thành phố D
2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D
Địa chỉ: 1262 đường E, khu phố F, phường C, thành phố D

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Cù Duy Q-
Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D (văn bản ủy quyền số 62/GUQ-UBND ngày 31/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban

nhân dân phường C: Ông Dương Thành N – Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường phường C, thành phố D (văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ngày 31/3/2022).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D

Địa chỉ: 1262 đường E, khu phố F, phường C, thành phố D

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Cù Duy Q - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D (văn bản ủy quyền số 62/GUQ-UBND ngày 31/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường C: Ông Dương Thành N – Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị - Môi trường phường C, thành phố D (văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ngày 31/3/2022).

3.2 Ông Bùi Quang M (chết ngày 12/3/2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng theo pháp luật của ông: Bùi Quang M

3.2.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960

3.2.2 Ông Bùi Hà N, sinh năm: 1983

3.2.3 Ông Bùi Nam H, sinh năm: 1986

Cùng thường trú: đường A, khu phố B, phường C, thành phố D

Tại phiên tòa:

Các đương sự: Bà Nguyễn Thị L; đại diện Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh ông Cù Duy Quang, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D, ông Dương Thành N có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hà N, ông Bùi Nam H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị L trình bày:

Gia đình bà sử dụng đất hiện là ao cá có số thửa 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thuộc thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C từ rất lâu. Ngày 04/6/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C cưỡng chế tháo dỡ nhà của bà theo Quyết

định số 5530/QĐ-CCXP và số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D) trong khi bà chưa nhận được các quyết định này. Bà được biết nội dung Quyết định số 5530/QĐ-CCXD là cưỡng chế khắc phục hậu quả diện tích đất 56,1 m² nói trên có xây dựng quán cà phê tại thửa 46 tờ bản đồ số 52, Quyết định số 5531/QĐ-CCXD cưỡng chế phần đất có nhà tạm trên đất, diện tích nhà tạm là 68,1 m² trên 85 m² đất tại thửa 25 tờ bản đồ số 52 nhưng Ủy ban nhân dân phường đã rào chắn cả khu vực ao cá là trái pháp luật. Các quyết định cưỡng chế chỉ giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C giao 02 quyết định trên cho bà, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C lại thực hiện việc cưỡng chế tháo dỡ, do vậy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C tổ chức thực hiện đối với 02 quyết định trên là trái thẩm quyền và vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho tài sản và thu nhập hàng tháng của bà L nên bà khởi kiện, yêu cầu:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C: Chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với khu đất bao gồm ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thuộc thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C; tháo dỡ rào chắn lối đi ra vào thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thuộc thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất cho đến khi nhà nước có quyết định thu hồi.

- Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C chấm dứt hành vi rào chắn và dỡ các tấm tôn đã bịt lối đi vào khu vực kinh doanh, nuôi trồng thủy sản của gia đình bà đang làm ăn sinh sống.

- Bồi thường khoản mất thu nhập hàng tháng tính từ ngày 04/6/2020 đến ngày 05/11/2020 do bị tháo dỡ là khoản thu nhập chính đáng mỗi tháng là 30.000.000đ x 06 tháng = 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng); 03 công trình bị phá (nhà bán cơm bình dân, quán cà phê và nhà vệ sinh) bởi hành vi cưỡng chế trên, ba hạng mục này gia đình bà tự xây dựng là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng), như vậy 02 khoản trên là 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Tại văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D ông Cù Duy Q trình bày:

Theo tài liệu 299/TTg, đất bà L lần chiếm thuộc một phần thửa 41 – tờ 02 xã P do Ủy ban nhân dân xã P đăng ký. Năm 1991, Ủy ban nhân dân xã T cho bà Bùi Thị S thuê diện tích 3.000m² để sử dụng làm cơ sở sản xuất lò gạch. Năm 2002, bà S chuyển lò gạch cho con là ông Hồng Văn Đ sử dụng, năm 2003 ông

Đ sang lò gạch cho ông Hồ Quang T sử dụng. Ủy ban nhân dân phường C tiếp tục cho ông Hồ Quang T thuê diện tích 3.000m². Năm 2007 - 2008, Ủy ban nhân dân phường cho ông T thuê diện tích đất 7.153,9m²; đến năm 2009 chấm dứt hợp đồng thuê đất với ông T.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân phường tiến hành làm đường số 17, khu phố 5, phường C; còn lại một phần đất trống (lề đường số 17); giáp ranh với ao cá và lò gạch của ông T do Ủy ban nhân dân phường C quản lý (đất nằm trong danh sách của Ban chỉ đạo 09), gia đình bà Nguyễn Thị L tự chiếm sử dụng từ năm 2006. Ngày 31 tháng 10 năm 2006, Ủy ban nhân dân phường C lập biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC đối với ông Bùi Quang M (chồng bà Nguyễn Thị L).

Ngày 20 tháng 11 năm 2006, Ủy ban nhân dân phường C ban hành quyết định số 648/QĐ-UBND về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý - sử dụng đất đai và xây dựng đối với ông Bùi Quang M. Tháng 9 năm 2012, bà Nguyễn Thị L tiếp tục xây dựng công trình không phép và cam kết tự tháo dỡ công trình vi phạm.

Ngày 25 tháng 7 năm 2014, Ủy ban nhân dân phường C ban hành Quyết định số 402/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra trong trường hợp đã hết thời hiệu xử phạt (đã tổ chức thực hiện quyết định theo biên bản ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân phường C). Sau đó, bà Nguyễn Thị L tiếp tục lấp đặt mái hiên di động không phép tại vị trí đã thực hiện quyết định khắc phục hậu quả.

Ngày 17 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân phường C ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị (đã tổ chức thực hiện quyết định theo biên bản ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường C) và thực hiện rào tôn lại phần đất bà L lấn chiếm. Tuy nhiên, bà L đã tháo một phần rào tôn và tái lấn chiếm.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân phường thực hiện rào chắn hàng rào khu vực đường 16 và đường 17 (có phần hàng rào bao quanh khu đất của bà L lấn chiếm trước đây).

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, bà Nguyễn Thị L tiếp tục tháo dỡ 01 đoạn hàng rào dài 28m và tiếp tục xây dựng lấn chiếm đất, Ủy ban nhân dân phường đã lập 02 biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tham mưu Ủy ban nhân dân quận xử lý theo thẩm quyền. Ngày 16/8/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D) đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai số 4633/QĐ-XPVPHC

và Quyết định số 4634/QĐ-XPVPHC đối với bà Nguyễn Thị L. Do bà L không chấp hành quyết định xử phạt nên ngày 01/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D) đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5530/QĐ-CCXP) và số 5531/QĐ-CCXP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C đã thực hiện việc công bố quyết định và giao cho bà L trực tiếp ký nhận vào ngày 05/9/2019 và ngày 07/10/2019. Do gia đình bà L không tự nguyện chấp hành các quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận nên vào các ngày 04 và 05 tháng 6 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường đã tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ 02 công trình vi phạm của bà Nguyễn Thị L nhưng bà L đã tự thực hiện việc tháo dỡ, khôi phục hiện trạng nên tổ công tác chỉ lập biên bản ghi nhận và khôi phục lại rào chắn phía trước ao nơi bà L lấn chiếm. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D có ông Cù Duy Q đại diện trình bày: Ủy ban nhân dân phường C thống nhất với ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hà N, ông Bùi Nam H có ý kiến thống nhất với ý kiến của bà L và xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D ông Dương Thành N trình bày: Bà Nguyễn Thị L đã có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Thực hiện Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5530/QĐ-CCXP và số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D), Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân phường C đã thực hiện chức trách của mình theo quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2249/2022/HC-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điều 31; Khoản 1, Khoản 2 Điều 116; Điều 204; Điều 206; Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực ngày 01/7/2016;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1. Đình chỉ yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C chấm dứt hành vi rào chắn và dỡ các tấm tôn đã bị lồi đi vào khu vực kinh doanh, nuôi trồng thủy sản của gia đình bà Nguyễn Thị L đang làm ăn sinh sống và yêu cầu bồi thường khoản mất thu nhập hàng tháng kể từ tháng 12/2020 cho đến khi bản án có hiệu lực thi hành (mỗi tháng là 30.000.000 đồng) của bà Nguyễn Thị L đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C.

2. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với khu đất bao gồm ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C tiến hành tháo dỡ rào chắn lồi đi ra vào thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất cho đến khi nhà nước có quyết định thu hồi.

Bác yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bồi thường khoản mất thu nhập hàng tháng tính từ ngày 04/6/2020 đến ngày 05/11/2020 do bị tháo dỡ là khoản thu nhập chính đáng mỗi tháng là $30.000.000đ \times 06 \text{ tháng} = 180.000.000đ$ (một trăm tám mươi triệu đồng) và 03 công trình bị phá (nhà bán cơm bình dân, quán cà phê và nhà vệ sinh) bởi hành vi cưỡng chế trên, ba hạng mục này gia đình bà L tự xây dựng là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) tổng cộng là 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2022 người khởi kiện bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy Bản án số 2249/2022/HC-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D vì các lý do: Bà không nhận được các quyết định cưỡng chế, không thông báo cưỡng chế nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân phường C đã cưỡng chế nhà đất của bà. Tại Tòa bà nộp bổ sung 01 đơn kháng

cáo, cũng đề ngày 07/7/2022 nội dung cho rằng Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường C đã thực hiện hành vi cưỡng chế đối với bà là không có căn cứ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người kháng cáo, giữ nguyên Bản án số 2249/2022/HC-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án: Việc giải quyết vụ án nêu trên của Thẩm phán, hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Bà Nguyễn Thị L sử dụng đất lấn chiếm nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D xử phạt vi phạm hành chính. Do bà L không chấp hành nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5530/QĐ-CCXP và số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 đối với bà Nguyễn Thị L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, Ủy ban nhân dân phường C tổ chức thực hiện quyết định là đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân Thành phố D đã giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo xin hủy bản án sơ thẩm của bà Nguyễn Thị L là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hà N, ông Bùi Nam H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L nộp trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L thì vụ án có quan hệ

tranh chấp là khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 28 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về thẩm quyền xét xử: Người khởi kiện khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng đối tượng và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 31 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5530/QĐ-CCXP) và số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D) bà Nguyễn Thị L khởi kiện trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà L xác định chỉ khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C không cản trở việc sử dụng đất của bà và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C bồi thường thiệt hại do hành vi cưỡng chế không đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Văn bản số 7093/UBND-TM ngày 15/11/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố D thì phần đất ao cá địa chỉ đường 17, khu phố 5, phường C, quận D nay là thành phố D là đất thuộc sở hữu nhà nước, giao cho Ủy ban nhân dân quận D nay là thành phố D tạm quản lý. Phần đất ao do gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Quang M lấn chiếm sử dụng thuộc phần đất này.

Ngày 20 tháng 11 năm 2006, Ủy ban nhân dân phường C ban hành Quyết định số 648/QĐ-UBND về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý - sử dụng đất đai và xây dựng đối với ông Bùi Quang M. Hành vi sử dụng, xây dựng trên đất lấn chiếm của gia đình bà L diễn ra liên tục trong nhiều năm.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D) đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 4633/QĐ-XPVPHC và Quyết định số 4634/QĐ-XPVPHC đối với bà Nguyễn Thị L. Do bà L không chấp hành, nên ngày 01/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D (nay là thành phố D) đã ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 5530/QĐ-CCXP) và số 5531/QĐ-CCXP. Các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đã được tổng đạt trực tiếp cho bà Nguyễn Thị L ngày 07/10/2019. Tiếp

theo đó, ngày 27/5/2020 Ủy ban nhân dân phường C đã ban hành thông báo số 95/TB-UBND về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và Quyết định số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức đối với bà Nguyễn Thị L. Thông báo được niêm yết công khai tại địa điểm xảy ra hành vi vi phạm. Tại Tòa, bà L cho rằng bà chưa nhận được các quyết định cưỡng chế hoặc thông báo cưỡng chế từ Ủy ban nhân dân phường C, nhưng căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì lời khai của bà L là không đúng. Việc tổng đạt, niêm yết các quyết định cưỡng chế và thông báo cưỡng chế buộc khắc phục hậu quả đối với bà Nguyễn Thị L đã được thực hiện đúng theo quy định.

Theo biên bản cưỡng chế để thực hiện Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và số 5531/QĐ-CCXP, tại một phần thửa 25 tờ 52 phường C, thành phố D ngày 04/6/2020 tổ công tác ghi nhận Chủ đầu tư đã tự khắc phục hậu quả theo Khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận D ban hành.

Căn cứ Khoản 1 Điều 38 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế là có căn cứ và đúng pháp luật.

Việc tổ chức thực hiện các Quyết định số 5530/QĐ-CCXP và số 5531/QĐ-CCXP ngày 01/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân và Ủy ban nhân dân phường C là đúng pháp luật, bà L cũng là người tự tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, nay lại cho rằng Chủ tịch Ủy ban và Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện cưỡng chế trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại do thực hiện hành vi tháo dỡ phần xây dựng trái pháp luật là không có căn cứ.

Bà L cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C đã rào chắn, ngăn cản việc sử dụng đất của bà và yêu cầu bồi thường. Xét thấy: Ngày 17 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân phường C ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị, đã tổ chức thực hiện quyết định theo biên bản ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân phường C, và thực hiện rào tôn lại phần đất ao bà L lấn chiếm để xây dựng trái phép và bị xử phạt. Việc bà L lấn chiếm sử dụng đất không có căn cứ đã nhiều lần bị xử phạt. Tại Tòa bà L cho rằng bà không tháo dỡ phần tường rào chắn đất ao, người nào khác thực hiện bà không biết, như vậy, việc ngày 04/6/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C tái lập lại hàng rào đã bị hư mất tại vị trí đất ao do Ủy ban nhân dân quản lý, bị bà L lấn chiếm, xây dựng trái phép nhằm bảo đảm việc quản lý, trật tự, an toàn vệ sinh là thực hiện đúng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều 38 Luật tổ chức chính quyền địa

phương. Bà L cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện việc cản trở sử dụng đất hoặc cưỡng chế trái pháp luật, phải tháo dỡ hàng rào, chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đất ao của bà và yêu cầu bồi thường thiệt hại do mất thu nhập đối với bà là không có căn cứ chấp nhận. Bà L phải chấp hành các quyết định hành chính do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Tại phiên Tòa, người khởi kiện không xuất trình được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bởi các lẽ trên,

Áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2249/2022/HC-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điều 31; Khoản 1, Khoản 2 Điều 116; Điều 204; Điều 206; Luật Tổ tụng hành chính có hiệu lực ngày 01/7/2016;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C chấm dứt hành vi rào chắn và dỡ các tấm tôn đã bịt lối đi vào khu vực kinh doanh, nuôi trồng thủy sản của gia đình bà Nguyễn Thị L đang làm ăn sinh sống và yêu cầu bồi thường khoản mất thu nhập hàng tháng kể từ tháng 12/2020 cho đến khi bản án có hiệu lực thi hành (mỗi tháng là 30.000.000 đồng) của bà Nguyễn Thị L đối với Chủ

tịch Ủy ban nhân dân phường C.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với khu đất bao gồm ao cá thuộc các thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C tiến hành tháo dỡ rào chắn lối đi ra vào thửa đất số 23, 25, 27 tờ bản đồ 52 và một phần thửa 46 tờ bản đồ số 52 phường C để cho gia đình bà tiếp tục sử dụng đất cho đến khi nhà nước có quyết định thu hồi.

- Bác yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu bồi thường khoản mất thu nhập hàng tháng tính từ ngày 04/6/2020 đến ngày 05/11/2020 do bị tháo dỡ là khoản thu nhập chính đáng mỗi tháng là 30.000.000đ x 06 tháng = 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng) và 03 công trình bị phá (nhà bán cơm bình dân, quán cà phê và nhà vệ sinh) bởi hành vi cưỡng chế trên, ba hạng mục này gia đình bà L tự xây dựng là 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) tổng cộng là 255.000.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí hành chính: Bà Nguyễn Thị L được miễn nộp án phí hành chính. Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0057729 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận D (nay là thành phố D).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM
- TAND Tp. Thủ Đức;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND Tp.HCM;
- Chi Cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Trọng Đan